

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/DS-ST
Ngày: 01 - 12 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Pn Hoàng Mai

2. Ông Lê Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa dân sự số 47/2020/TB-TA ngày 10 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B (NH B)

Trụ sở: Số 35 V, phường T, quận K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Bé T2, chức vụ: Giám đốc NH B Chi nhánh An Giang (Theo Quyết định số 804/QĐ-NH B ngày 22 tháng 8 năm 2019 của NH B)

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Phước H, chức vụ: Phó Phòng quản lý rủi ro – NH B Chi nhánh An Giang

- Ông Nguyễn Minh C, chức vụ: Chuyên viên phòng quản lý rủi ro – NH B Chi nhánh An Giang

(Theo Quyết định số 940/QĐ-NH B-AG ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc NH B – Chi nhánh An Giang)

Cùng địa chỉ nơi làm việc: Số 222 T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Minh Ch, sinh năm 1968

Cư trú: Số 64/4 khóm B2, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Võ Thị P, sinh năm 1960

Cư trú: Số 59/19A, khóm Ph, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, đại diện NH B – ông H và ông C có mặt; bà Ch và bà P đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, NH B do ông Nguyễn Phước H và ông Nguyễn Minh C đại diện trình bày:

NH B Chi nhánh L (nay là NH B Chi nhánh An Giang) với bà Phan Thị Minh Ch có ký kết các hợp đồng để NH B cho bà Ch vay tiền, cụ thể như sau:

- Khoản vay thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3786854/HĐTD ngày 03 tháng 5 năm 2017, nội dung NH B cho bà Ch vay số tiền 420.000.000 đồng; thời hạn vay là 84 tháng từ ngày 03 tháng 5 năm 2017 đến ngày 03 tháng 5 năm 2024; mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống tiêu dùng và sinh hoạt gia đình; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, cố định trong thời gian hiệu lực của hợp đồng tín dụng; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ vốn theo hợp đồng là từ tháng 06 năm 2017 đến tháng 04 năm 2024, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, riêng ngày 03 tháng 5 năm 2024 trả 171.000.000 đồng; lịch trả lãi là định kỳ hàng tháng vào ngày 15.

Ngày 04 tháng 5 năm 2017, bà Ch đã nhận đủ số tiền vay 420.000.000 đồng. Từ sau ngày giải ngân đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2018, bà Ch đã thực hiện thanh toán được 30.000.000 đồng tiền vốn và một phần tiền lãi. Sau ngày 18 tháng 4 năm 2018, bà Ch ngừng thanh toán cho đến nay.

- Khoản vay thứ hai theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/3786854 ngày 28 tháng 12 năm 2017, nội dung NH B cho bà Ch vay số tiền 350.000.000 đồng; thời hạn vay là 11 tháng từ ngày 28 tháng 12 năm 2017 đến ngày 28 tháng 11 năm 2018; mục đích vay là phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân bên vay và gia đình; lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm, cố định trong thời gian hiệu lực của hợp đồng tín dụng; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ vốn của khoản vay này là ngày 28 tháng 11 năm 2018 trả 350.000.000 đồng; lịch trả lãi là định kỳ hàng tháng vào ngày 28.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, bà Ch đã nhận đủ số tiền vay là 350.000.000 đồng. Từ sau ngày giải ngân đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2018, bà Ngân đã thực hiện thanh toán được 121.100.000 đồng tiền vốn và một phần tiền lãi. Sau ngày 18 tháng 4 năm 2018 thì bà Ch ngừng thanh toán cho đến nay.

Để đảm bảo cho các khoản vay này, bà Ch đã thế chấp cho NH B quyền sử dụng đất của bà Ch đối với thửa đất tọa lạc tại phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang, thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 19, diện tích đất 68,2m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01463 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 17 tháng 02 năm 2011. Việc thế chấp tài sản được NH B và bà Ch xác lập bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3786854/HĐBĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017. Đồng thời giữa bà Ch và NH B

cũng ký kết Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm số 01/2016/3786854/HĐUQ ngày 03 tháng 5 năm 2017 thỏa thuận NH B là người đại diện cho bà Ch thực hiện việc xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm nợ vay của bà Ch tại NH B trong trường hợp phải thực hiện xử lý tài sản bảo đảm.

Do bà Ch vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù NH B đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, nhưng bà Ch vẫn không thực hiện theo cam kết trong các hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của NH B. Nên NH B khởi kiện yêu cầu bà Ch phải chịu trách nhiệm trả cho NH B số tiền nợ vốn là 618.900.000 đồng và tiền lãi là 74.327.871 đồng (tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2019); yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn bà Phan Thị Minh Ch: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị P: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L lập, bà P xác định bà là người đang thuê nhà nằm trên diện tích đất đang thế chấp; hợp đồng thuê là không thời hạn. Bà P cũng trình bày: Khi nào cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thì bà P đồng ý dọn đi nơi khác hoặc mua lại tài sản đang thuê.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- NH B do ông Nguyễn Phước H và ông Nguyễn Minh C đại diện trình bày: NH B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Ch thanh toán số tiền vốn, lãi là: 815.775.759 đồng (tạm tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2020), cụ thể:

Đối với khoản vay thứ nhất: Bà Ch đã thanh toán được 30.000.000 đồng tiền nợ vốn và 36.833.589 đồng tiền lãi, nên yêu cầu bà Ch phải thanh toán tiếp tiền nợ vốn là 390.000.000 đồng, tiền lãi là 117.336.473 đồng. Tổng cộng: 507.336.473 đồng.

Đối với khoản vay thứ hai: Bà Ch đã thanh toán được 121.100.000 đồng tiền nợ vốn và 3.274.807 đồng tiền lãi, nên yêu cầu bà Ch phải thanh toán tiếp tiền nợ vốn là 228.900.000 đồng, tiền lãi là 79.539.286 đồng. Tổng cộng: 308.439.286 đồng.

Yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bà Ch không thanh toán được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án cho NH B. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm được ký giữa NH B với bà Ch để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Bà Ch và bà P vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Giữa NH B với bà Ch có ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi như nêu trên. Để đảm bảo khoản vay trên, bà Ch đã thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang (Thửa đất số: 106; tờ bản đồ số: 19) do bà Ch là chủ sở hữu. Bà Ch đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán được một phần tiền vốn, tiền lãi. Sau ngày 18 tháng 4 năm 2018, bà Ch ngưng thanh toán cho đến nay. Bà Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù NH B đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở việc trả nợ theo cam kết trong hợp đồng nhưng bà Ch vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của NH B. Quá trình giải quyết vụ án bà Ch không có ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị P trình bày: Khi nào Cơ quan thi hành án kê biên xử lý tài sản thì bà đồng ý dọn đi nơi khác hoặc mua lại và xin vắng trong các thủ tục tố tụng của Tòa án.

Theo giấy đề nghị vay vốn ngày 03 tháng 5 năm 2017 tại mục VII thể hiện bên vay bà Ch và người đồng trả nợ là ông Nguyễn Phi H1. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện cũng như quá trình Tòa giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ buộc nghĩa vụ trả nợ đối với một mình bà Ch không yêu cầu ông H1 liên đới thanh toán nợ. Căn cứ các hợp đồng đều do một mình bà Ch ký xác lập với NH B đồng thời bà Ch không ý kiến đối với yêu cầu của NH B.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 90 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH B. Buộc bà Ch phải trả cho NH B số tiền vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn của 02 hợp đồng tạm tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2020 tổng cộng là 815.775.759 đồng. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3786854/HĐBĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 và Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm số: 01/2016/3786854/HĐUQ ngày 03 tháng 5 năm 2017 để đảm bảo cho việc thi hành án. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn vay tiền với mục đích tiêu dùng, phục vụ đời sống và không có đăng ký kinh doanh; nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Minh Ch và bà Võ Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Giữa NH B Chi nhánh L và bà Phan Thị Minh Ch có xác lập Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3786854/HĐTD ngày 03 tháng 5 năm 2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/3786854 ngày 28 tháng 12 năm 2017 (gọi chung là các hợp đồng tín dụng) để bà Ch vay vốn từ NH B. Đồng thời bà Ch có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đối với thửa đất diện tích 68,2m² tọa lạc tại phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang, thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 19 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3786854/HĐBĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bà Ch đối với NH B phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa NH B và bà Ch trong khoảng thời gian kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2017 đến ngày 03 tháng 5 năm 2024 (gồm cả 02 hợp đồng nêu trên). Sau khi giải ngân, bà Ch thực hiện thanh toán nợ được một thời gian thì ngừng thanh toán. Như vậy, bà Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của NH B. Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bà Ch cũng không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu trả số tiền vốn, lãi của NH B là có căn cứ.

[3.2] Trước khi xác lập các hợp đồng tín dụng nêu trên, thì chồng bà Ch là ông Nguyễn Phi H1 có ký tên vào Giấy đề nghị vay vốn với tư cách người đồng trả nợ. Mục đích vay tài sản của bà Ch là để tiêu dùng và phục vụ đời sống gia đình. Tuy nhiên, các hợp đồng tín dụng chỉ được xác lập bởi bà Ch và NH B mà không có sự tham gia xác lập và ý kiến của ông H1. Bà Ch cũng chỉ sử dụng tài sản của riêng bà Ch để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện NH B xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà Ch thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ông H1 chịu nghĩa vụ liên đới. Bà Ch cũng không có ý kiến, tài liệu, chứng cứ chứng minh về vấn đề nghĩa vụ liên đới trả nợ của ông H1 đối với các khoản vay tại NH B. Do đó, không có căn cứ xác định ông H1 phải liên đới cùng bà Ch trả nợ cho NH B. Vì vậy, bà Ch có nghĩa vụ toàn bộ đối với khoản vay theo các hợp đồng tín dụng đã xác lập với NH B nêu trên.

[3.3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH B: Buộc bà Ch có nghĩa vụ trả cho NH B số tiền vốn, lãi là 815.775.759 đồng (tạm tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2020) cụ thể:

Đối với khoản vay thứ nhất: Tiền nợ vốn là 390.000.000 đồng, tiền lãi là 117.336.473 đồng. Tổng cộng: 507.336.473 đồng.

Đối với khoản vay thứ hai: Tiền nợ vốn là 228.900.000 đồng, tiền lãi là 79.539.286 đồng. Tổng cộng: 308.439.286 đồng.

[3.4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Ch còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3.5] Đối với việc thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Ch đã sử dụng tài sản riêng của bà là quyền sử dụng đối với thửa đất diện tích 68,2m² thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01463 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 17 tháng 02 năm 2011 để thế chấp cho NH B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3786854/HĐBĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017. Hợp đồng này được các bên tự nguyện xác lập, có chứng nhận của Văn phòng

công chứng Cao Thị Hồng C1 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Qua quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất nêu trên hiện do bà Ch quản lý và cho bà Võ Thị P thuê tài sản gắn liền trên đất. Bà P cũng đồng ý di dời nơi khác nếu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bà đang thuê hoặc bà sẽ mua lại tài sản đang thuê. Do đó, việc tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm số 01/2016/3786854/HĐUQ ngày 03 tháng 5 năm 2017 để đảm bảo cho việc thi hành án là có cơ sở. Vì vậy, trường hợp bà Ch không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản đã thế chấp sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án và thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng ủy quyền.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên NH B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện. bà Ch phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 299, 320, 322, 323, 327, 463, 466, 468, 470, 562 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với bà Phan Thị Minh Ch.

[2] Buộc bà Phan Thị Minh Ch có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B (Do Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh An Giang đại diện) nhận số tiền (tạm tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2020) là 815.775.759 đồng (tám trăm mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: Tổng tiền vốn là 618.900.000 đồng (sáu trăm mười tám triệu chín trăm nghìn đồng), tổng tiền lãi là 196.875.759 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng). Cụ thể:

[2.1] Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3786854/HĐTD ngày 03 tháng 5 năm 2017, tổng cộng vốn, lãi (tạm tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2020) là 507.336.473 đồng. Trong đó: Tiền nợ vốn là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi là 117.336.473 đồng (một trăm mười bảy triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

[2.2] Đối với khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/3786854 ngày 28 tháng 12 năm 2017, tổng cộng vốn, lãi (tạm tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2020) là 308.439.286 đồng (ba trăm linh tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn hai trăm

tám mươi sáu đồng). Trong đó: Tiền nợ vốn là 228.900.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng), tiền lãi là 79.539.286 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm ba mươi chín nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01 tháng 12 năm 2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3786854/HĐTD ngày 03 tháng 5 năm 2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/3786854 ngày 28 tháng 12 năm 2017. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần B có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phan Thị Minh Ch không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 68,2m² thuộc thửa số 106, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01463 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 17 tháng 02 năm 2011 cho ông Huỳnh Công L1 và bà Huỳnh Thị Minh T3, những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Minh Ch, được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật thi hành án dân sự và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3786854/HĐBĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017, Hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản bảo đảm số 01/2016/3786854/HĐUQ ngày 03 tháng 5 năm 2017, để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí:

Ngân hàng thương mại cổ phần B (Do Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh An Giang đại diện) được nhận lại 15.864.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm sáu mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005102 ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Bà Phan Thị Minh Ch phải chịu 36.473.300 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. L;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang